TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HSST
Ngày: 23/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bế Lan Phương
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Vụ
Ông Đỗ Đức Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Tống Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/ 2019/ HSST ngày 28 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:108/2019/QĐXXST- HS ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo:

Trần Văn T - sinh ngày: 10/3/1976 tại Bệnh viện tỉnh Cao Bằng; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; HKTT và nơi cư trú: tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12 phổ thông; Con ông: Trần Văn T (đã chết); Con bà: Đỗ Thị X (đã chết); Có 6 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 25/12/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 05 năm 6 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam và tội Trộm cắp tài sản. Năm 2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 7 năm tù về tội Cướp tài sản. Năm 2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Nhân thân: Năm 1996 có hành vi gây rối trật tự công cộng; Năm 1998 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Năm 2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 21/5/2002 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: hồi 06 giờ 10 phút, ngày 23/3/2019 tại cổng Trung tâm H tỉnh Cao Bằng thuộc tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố Cao Bằng bắt quả tang Trần Văn T (trú tại: tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 01 gói giấy ăn bên trong có lớp giấy bạc màu vàng, có 09 gói nhỏ giấy bạc màu trắng, tổng khối lượng là 0,35gam (không phẩy ba năm gam). Ngoài ra, tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng, thu giữ trong túi quần đằng trước bên trái T đang mặc.

Ngày 27/3/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định trưng cầu giám định số 68 đối với vật chứng vụ án. Tại Bản kết luận giám định số 96/GĐMT ngày 05/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: *Mẫu gửi giám định là ma túy, loại: Heroine.*

Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 63/CT-VKSTP ngày 18/02/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo nhất trí với trọng lượng ma túy bị thu giữ và nội dung bản kết luận giám định số: 96/GĐMT ngày 05/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: *Mẫu gửi giám định là ma túy, loại: Heroine.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 5 đến 6 năm tù.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong ghi tang vật cân vụ Trần Văn T - sinh năm 1976; HKTT: tổ T, phường S, thành phố C, Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 23/3/2019;

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh trong phong bì niêm phong ghi vụ Trần Văn T - sinh năm 1976.

Về án phí: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và điều khoản xét xử: tại cơ quan điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận giám định, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: do bản thân sử dụng ma túy nên khoảng 06 giờ ngày 23/3/2019, T đến khu vực Trung tâm H thuộc tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng để đợi uống thuốc Methadol. Tại đây, T đã nhặt được 01 bao thuốc lá Vinataba màu vàng, bên trong gói giấy bạc màu vàng có chứa 09 gói giấy bạc màu trắng chứa Heroin. Ngay sau khi nhặt xong bao thuốc lá thì bị tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bắt quả tang Trần Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,35g (không phẩy ba năm gam) Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội và còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại nhiều mặt của ma túy nhưng vẫn bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ Luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo là người nghiện ma túy, nhân thân xấu: năm 1996 có hành vi gây rối trật tự công cộng; năm 1998 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; năm 2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 21/5/2002 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Có 3 tiền án chưa được xóa án tích: ngày 25/12/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 05 năm 6 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam và tội Trộm cắp tài sản; năm 2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 7 năm tù về tội Cướp tài sản; năm 2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo đã nhiều lần đi chấp hành hình phạt tù, đã được cải tạo giáo dục nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người lương thiện, sau khi chấp hành xong hình phạt lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo có 3 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt chính: căn cứ vào nhân thân của bị cáo; tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để cải tạo, giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp, cần được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: ngoài hình phạt chính, tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự còn quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*..." . Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Trong vụ án này, về nguồn gốc số ma túy Trường khai nhặt được ở khu vực Trung tâm H thuộc tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vào ngày 23/3/2019 và không biết số Heroin nhặt được của ai nên cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong ghi tang vật cân vụ Trần Văn T – sinh năm 1976; HKTT: tổ T, phường S, thành phố C, Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 23/3/2019;

Tịch thu để hóa giá phát mại: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh trong phong bì niêm phong ghi vụ Trần Văn T – sinh năm 1976.

Số vật chứng trên hiện nay đang lưu giữ tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/6/2019.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Văn T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Căn cứ: điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Trần Văn T 5 năm 6 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 23/3/2019.

Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong ghi tang vật cân vụ Trần Văn T – sinh năm 1976; HKTT: tổ T, phường S, thành phố C, Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 23/3/2019;

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh trong phong bì niêm phong ghi vụ Trần Văn T – sinh năm 1976 vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Số vật chứng trên hiện nay đang lưu giữ tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/6/2019.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Trần Văn T chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bế Lan Phương